

Số: 36/NQ-HĐND

An Giang, ngày 11 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
Về việc tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ
của ngân sách tỉnh An Giang năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Xét Tờ trình số 751/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2020, như sau:

1. Tổng mức vay năm 2020 của ngân sách tỉnh:

a) Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2020 là 5.813.200 triệu đồng.

b) Chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2020 là 9.053.137 triệu đồng.

c) Tổng mức vay của ngân sách tỉnh: Số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp nhỏ hơn chi thường xuyên ngân sách địa phương; theo đó tổng mức vay của ngân sách tỉnh bằng 20% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp là 1.162.640 triệu đồng (5.813.200 x 20%).

2. Kế hoạch vay năm 2020 của tỉnh theo nguồn vay trong nước, vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ và mục đích sử dụng:

Tổng mức vay trong năm là 212.500 triệu đồng: Đây là khoản vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, mức vay theo thông báo của Bộ Tài chính và Hiệp định đã ký kết với nhà tài trợ nước ngoài để đầu tư các dự án (chi tiết theo phụ lục 01 và 02 đính kèm).

Trong quá trình thực hiện, trường hợp cần đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn ODA của các dự án, Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trong tổng mức vay, điều chỉnh tăng giảm giữa các dự án và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất theo quy định tại Khoản 6 Điều 75 của Luật Đầu tư công.

3. Kế hoạch trả nợ vay của tỉnh năm 2020 theo nguồn vay trong nước, vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ:

a) Đối với khoản vay trong nước: Tổng mức phải trả là 90.100 triệu đồng, sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương.


b) Đối với khoản vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ: Do mới phát sinh vay từ cuối năm 2018 nên chưa phát sinh trả nợ.

4. Dư nợ vay đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 406.630 triệu đồng, so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương đạt tỷ lệ 34,97% (406.630/1.162.640 triệu đồng).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa IX kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2019. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại tỉnh Kiên Giang;
- Báo An Giang, Đài PT-TH An Giang;
- Website tỉnh; Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu VT, Phòng Tổng hợp. 



CHỦ TỊCH

Võ Anh Kiệt



Phụ lục 01

(theo Biểu mẫu số 18, Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ)

BỘI CHI VÀ PHƯƠNG ÁN VAY - TRẢ NỢ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số .../NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

Đvt: Triệu đồng.

Stt	Nội dung	Ước TH năm 2019	Dự toán năm 2020	So sánh
A	B	1	2	3=2-1
A	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.624.600	5.813.200	188.600
B	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	12.066.658	12.463.166	396.508
C	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG /BỘI THU NSDP	17.400	122.400	
1	Bội chi		122.400	
2	Bội thu	17.400		
D	HẠN MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSDP THEO QUY ĐỊNH	1.124.920	1.162.640	37.720
E	KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC			
I	Tổng dư nợ đầu năm	385.519	284.230	-101.289
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của NSDP (%)</i>	<i>34,27%</i>	<i>24,45%</i>	<i>-9,82%</i>
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	5.969	23.580	17.611
3	Vay trong nước khác	379.550	260.650	-118.900
II	Trả nợ gốc vay trong năm	118.900	90.100	-28.800
1	Theo nguồn vốn vay	118.900	90.100	-28.800
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước			
-	Vốn khác	118.900	90.100	-28.800
2	Theo nguồn trả nợ	118.900	90.100	-28.800
-	Từ nguồn vay để trả nợ gốc			
-	Bội thu ngân sách địa phương	17.400		-17.400
-	Tăng thu, tiết kiệm chi			
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh			
-	Ngân sách địa phương	101.500	90.100	-11.400
III	Tổng mức vay trong năm	17.611	212.500	194.889
1	Theo mục đích vay	17.611	212.500	194.889
-	Vay để bù đắp bội chi	17.611	212.500	194.889
-	Vay để trả nợ gốc			
2	Theo nguồn vay	17.611	212.500	194.889
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	17.611	212.500	194.889
-	Vay trong nước khác			
IV	Tổng dư nợ cuối năm	284.230	406.630	122.400
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của NSDP (%)</i>	<i>25,27%</i>	<i>34,97%</i>	<i>9,71%</i>
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	23.580	236.080	212.500
3	Vốn khác	260.650	170.550	-90.100
G	TRẢ NỢ LÃI, PHÍ	587	7.600	7.013

Ghi chú: (1) Bao gồm khoản vay thực hiện Chương trình kiên cố hoá kênh mương, giao thông nông thôn, CSHT nuôi trồng thủy sản, cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn; khoản vay đầu tư tôn nền vượt lũ để xây dựng cụm tuyến dân cư vùng ngập lũ sâu ĐBSCL



Phụ lục 02

KẾ HOẠCH VAY LẠI VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số .../NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

Đvt: Triệu đồng

Stt	Tên dự án/ Chương trình/ Hiệp định vay	Chủ dự án	Quyết định	Tổng mức đầu tư			Tên nhà tài trợ	Giá trị hiệp định vay		Cơ chế tài chính			Tổng vốn dự kiến vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ 2017-2022	Lũy kế dư nợ địa phương vay lại vốn nước ngoài của Chính phủ đến cuối năm 2018	Năm 2019			Năm 2020	
				Tổng số	Trong đó			Số tiền	Loại tiền	NSTW cấp phát	Địa phương vay lại	Lãi và phí địa phương phải trả cho khoản vay lại			Kế hoạch vay lại năm 2019	Ước thực hiện năm 2019	Lãi và phí phải trả	Kế hoạch vay lại năm 2020	Lãi và phí phải trả
					Vốn đối ứng	Vay ưu đãi vốn ODA													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
TỔNG CỘNG				2.397.019	599.450	1.797.569				1.173.127	624.442		624.442	5.969	101.500	17.611	587	212.500	7.600
1	Cung cấp trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa khu vực Châu Đốc	BVĐK Khu vực tỉnh	1858/QĐ-UBND ngày 07/7/2016; 3139/QĐ-UBND ngày 12/12/2018	323.714	65.572	258.142	Ku Wait	11,55	Triệu USD	232.328	25.814	2%	25.814	5.969	19.814	13.411	388	6.434	516
2	Dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh An Giang" (VILG)	Sở TN&MT	3215/QĐ-UBND ngày 27/10/2017; 1854/QĐ-UBND ngày 31/7/2019	134.468	21.222	113.246	WB	5,16	Triệu USD	79.272	33.974	2%	33.974		7.503	0	0	22.104	442
3	Tiểu dự án: Tăng cường khả năng thích ứng và quản lý nước cho vùng thượng nguồn sông Cửu Long, huyện An Phú, thuộc dự án: Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long	Sở NN&PTNT	2841/QĐ-UBND ngày 26/9/2017; 2595/QĐ-UBND ngày 22/10/2018	651.515	137.334	514.181	WB	29,24	Triệu USD	359.927	154.254	2%	154.254		37.703	-	0	67.383	1.348
4	Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	UBND TP. Long Xuyên	2251/QĐ-UBND 14/9/2018	1.287.322	375.322	912.000	WB	40,00	Triệu USD	501.600	410.400		410.400		36.480	4.200	200	116.579	5.294
	+ Vay IDA					456.000	WB	20,00	Triệu USD	364.800	91.200	2%	91.200		36.480		0	29.277	586
	+ Vay IDA SUF					456.000	WB	20,00	Triệu USD	136.800	319.200	4,75%	319.200			4.200	200	87.302	4.708

1/10/20